ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

Phụ lục I

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM ĐỐI VỚI SỞ, BAN, NGÀNH

(Kèm theo Quyết định số 1632 /QĐ-UBND ngày 19 /9/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Nội dung	Điểm chuẩn	Ghi chú
I	**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**	**10**	
1	**Chương trình, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công tác năm**	**5**	
	Ban hành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày UBND tỉnh ban hành Chương trình làm việc	5	
	Ban hành sau 15 ngày kể từ ngày UBND tỉnh ban hành Chương trình làm việc	0	
2	**Nhiệm vụ trọng tâm được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt trong năm**	**5**	
	Từ 05 nhiệm vụ trọng tâm trở lên	5	
	Từ 03 đến 04 nhiệm vụ trọng tâm	3	
	Từ 01 đến 02 nhiệm vụ trọng tâm	1	
	Không được giao nhiệm vụ trọng tâm	0	
II	**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**	**60**	
1	**Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm được Chủ tịch UBND tỉnh giao**	**15**	
	Số điểm = (Tổng điểm đạt được x 15)/(Tổng số NVTT x 10) Trong đó: Tổng điểm đạt được: tổng cộng số điểm đạt được theo quy ước sau: + Hoàn thành xuất sắc: 10 điểm + Hoàn thành tốt: 07 điểm + Hoàn thành: 05 điểm + Không hoàn thành: 0 điểm		Ví dụ: Sở A được giao 06 NVTT, trong đó xếp loại: 02 NVTT hoàn thành xuất sắc 04 NVTT hoàn thành tốt số điểm = ((2x10 + 4x7) x 15)/(6 x 10) = 12
2	**Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao**	**15**	Trên phần mềm theo dõi, quản lý nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao
	Số điểm = (Số nhiệm vụ hoàn thành đúng hạn x 15)/Tổng số nhiệm vụ được giao		
3	**Thực hiện nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch công tác năm của cơ quan, đơn vị**	**15**	
	Số điểm = (Số nhiệm vụ hoàn thành x 15)/Tổng số nhiệm vụ theo kế hoạch		
4	**Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh theo quy định của UBND tỉnh**	**5**	
	Số điểm = (Số báo cáo đúng thời gian quy định x 5)/tổng số báo cáo theo quy định		Điểm được lấy đến 1 chữ số thập phân (không làm tròn số)
5	**Công tác thanh tra, kiểm tra**	**10**	
5.1	Phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra	1	
	-Phê duyệt Kế hoạch thanh tra, kiểm tra theo đúng quy định	*1*	
5.2	Mức độ thực hiện kế hoạch thanh tra	2	
	Số điểm = (Số cuộc thanh tra đã thực hiện x 2)/Tổng số cuộc thanh tra theo KH		Điểm được lấy đến 1 chữ số thập phân (không làm tròn số)
5.3	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra kỷ luật, kỷ cương	2	
	Số điểm = (Tỷ lệ kiểm tra kỷ luật, kỷ cương đã thực hiện x 2)/Tỷ lệ kiểm tra KLKC theo quy định		
5.4	Thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra và kiến nghị của kiểm toán đảm bảo thời gian theo quy định	3	Trong năm nếu không có Kết luận thanh tra, kiểm toán thì đạt điểm tối đa
	Số điểm = (Tỷ lệ kiến nghị đã thực hiện x 3)/100		
5.5	Việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, giải quyết ý kiến, kiến nghị cử tri thuộc thẩm quyền; việc tham mưu giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, giải quyết ý kiến, kiến nghị cử tri	2	
	Số điểm = (Số đơn thư, ý kiến, kiến nghị giải quyết đúng thời hạn x 2)/Tổng số đơn thư, ý kiến, kiến nghị nhận được *(Nếu trong năm không có đơn thư, ý kiến, kiến nghị thì đạt điểm tối đa)*		Điểm được lấy đến 1 chữ số thập phân (không làm tròn số)
III	**KẾT QUẢ CÁC CHỈ SỐ**	**25**	
1	Kết quả chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) được UBND tỉnh đánh giá trong năm *Công thức tính điểm = (Chỉ số đạt được x 15)/100*	15	
2	Kết quả đánh giá đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) được đánh giá trong năm *Công thức tính điểm = (Số điểm đạt được x 10)/100*	10	
IV	**ĐIỂM THƯỞNG**	**5**	
1	Là đơn vị được giao nhiều nhiệm vụ trọng tâm nhất trong năm, đồng thời có từ 50% số nhiệm vụ trọng tâm được UBND tỉnh giao Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trở lên. (*Trong trường hợp có nhiều hơn 01 cơ quan cùng đạt tiêu chí này thì sẽ xét ưu tiên cơ quan có số % nhiệm vụ trọng tâm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cao hơn*)	1	

TT	Nội dung	Điểm chuẩn	Ghi chú
2	Là 01 trong **03** cơ quan được UBND tỉnh, lãnh đạo UBND tỉnh giao nhiều nhiệm vụ nhất trong năm, đồng thời số lượng công việc hoàn thành đạt trên 80%. (*Trong trường hợp có nhiều hơn 03 cơ quan cùng đạt tiêu chí này thì sẽ xét ưu tiên cơ quan có số % hoàn thành nhiệm vụ cao hơn*)	1	
3	Những trường hợp có thành tích nổi trội khác do hội đồng thẩm định xem xét, quyết định	3	Không quá 03 điểm
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)	**100**	
V	**ĐIỂM TRỪ**	**0**	
1	Còn có nội dung, công việc bị UBND tỉnh yêu cầu kiểm điểm: **mỗi nội dung, công việc trừ 01 điểm**		
2	Có lãnh đạo, công chức bị kỷ luật khiển trách trở lên hoặc bị khởi tố (không áp dụng đối với trường hợp chuyển từ cơ quan, đơn vị khác đến và phát hiện hành vi vi phạm trong thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị cũ): **trừ 03 điểm**		
3	Những trường hợp khác do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định: t**rừ không quá 03 điểm**		
	TỔNG ĐIỂM XẾP LOẠI (Tổng cộng - Điểm trừ)	**100**	

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

Phụ lục II

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM ĐỐI VỚI UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số 1632 /QĐ-UBND ngày 19/9/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Nội dung	Điểm chuẩn	Ghi chú
I	**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**	**5**	
	Chương trình, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công tác năm	**5**	
	Ban hành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày UBND tỉnh ban hành Chương trình làm việc	*5*	
	Ban hành sau 15 ngày kể từ ngày UBND tỉnh ban hành Chương trình làm việc	*0*	
II	**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**	**65**	
1	**Kết quả thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu phát triển KTXH, QPAN, đối ngoại trên địa bàn theo Nghị quyết của HĐND cấp huyện**	**35**	
	Số điểm = (Số nhiệm vụ, chỉ tiêu hoàn thành x 35)/ Tổng số nhiệm vụ, chỉ tiêu		
2	**Thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh giao**	**15**	
	Công thức tính điểm = (Số nhiệm vụ hoàn thành đúng hạn x 15)/ Tổng số nhiệm vụ được giao		
3	**Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh theo quy định của UBND tỉnh**	**5**	
	Số điểm = (Số lượng báo cáo đúng thời gian quy định x 5)/Tổng số báo cáo theo quy định		Điểm được lấy đến 1 chữ số thập phân (không làm tròn số)
4	**Công tác thanh tra, kiểm tra**	**10**	
4.1	Ban hành kế hoạch thanh tra, kiểm tra	1	
	-Phê duyệt Kế hoạch thanh tra, kiểm tra theo đúng quy định	*1*	
4.2	Mức độ thực hiện kế hoạch thanh tra	2	Điểm được lấy đến 1 chữ số thập phân (không làm tròn số)
	Số điểm = (Số cuộc thanh tra đã thực hiện x 2)/Tổng số cuộc thanh tra theo KH		
4.3	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra kỷ luật, kỷ cương	2	
	Số điểm = (Tỷ lệ kiểm tra kỷ luật, kỷ cương đã thực hiện x 2)/Tỷ lệ kiểm tra KLKC theo quy định		
4.4	Thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra và kiến nghị của kiểm toán đảm bảo thời gian theo quy định	3	Trong năm nếu không có Kết luận thanh tra, kiểm toán thì đạt điểm tối đa
	Số điểm = (Tỷ lệ kiến nghị đã thực hiện x 3)/100		
4.5	Việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, giải quyết ý kiến, kiến nghị cử tri thuộc thẩm quyền; việc tham mưu giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, giải quyết ý kiến, kiến nghị cử tri	2	Điểm được lấy đến 1 chữ số thập phân (không làm tròn số)
	Số điểm = (Số đơn thư, ý kiến, kiến nghị giải quyết đúng thời hạn x 2)/Tổng số đơn thư, ý kiến, kiến nghị nhận được *(Nếu trong năm không có đơn thư, ý kiến, kiến nghị thì đạt điểm tối đa)*		
III	**KẾT QUẢ CÁC CHỈ SỐ**	**25**	
1	**Kết quả chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) được UBND tỉnh đánh giá trong năm** *Công thức tính điểm = (Chỉ số đạt được x 15)/100*	15	
2	**Kết quả đánh giá đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) được đánh giá trong năm** *Công thức tính điểm = (Số điểm đạt được x 10)/100*	10	
IV	**ĐIỂM THƯỞNG**	**5**	
1	Là 01 trong 03 đơn vị được UBND tỉnh, lãnh đạo UBND tỉnh giao nhiều nhiệm vụ nhất trong năm, đồng thời số lượng công việc hoàn thành đúng thời hạn đạt trên 80%.	1	(Trong trường hợp có nhiều hơn 03 cơ quan cùng đạt tiêu chí này thì sẽ xét ưu tiên cơ quan có số % hoàn thành nhiệm vụ cao hơn)
2	Thu ngân sách vượt chỉ tiêu cấp có thẩm quyền giao	1	
3	Những trường hợp có thành tích nổi trội khác do hội đồng thẩm định xem xét, quyết định	3	Không quá 3 điểm
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)	**100**	
V	**ĐIỂM TRỪ**	**0**	

TT	Nội dung	Điểm chuẩn	Ghi chú
1	Còn có nội dung, công việc bị UBND tỉnh yêu cầu kiểm điểm: **mỗi công việc trừ 01 điểm**		
2	Có lãnh đạo, công chức bị kỷ luật khiển trách trở lên hoặc bị khởi tố (không áp dụng đối với trường hợp chuyển từ cơ quan, đơn vị khác đến và phát hiện hành vi vi phạm trong thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị cũ): **trừ 03 điểm**		
3	Những trường hợp khác do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định: **trừ không quá 03 điểm**		
	TỔNG ĐIỂM XẾP LOẠI (Tổng cộng - Điểm trừ)		

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

Phụ lục III

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC UBND TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 1632 /QĐ-UBND ngày 19/9/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Nội dung	Điểm chuẩn	Ghi chú
I	**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**	**10**	
1	**Chương trình, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công tác năm**	**5**	
	Ban hành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày UBND tỉnh ban hành Chương trình làm việc	5	
	Ban hành sau 15 ngày kể từ ngày UBND tỉnh ban hành Chương trình làm việc	0	
2	**Nhiệm vụ trọng tâm được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt trong năm**	**5**	
	Từ 05 nhiệm vụ trọng tâm trở lên	5	
	Từ 03 đến 04 nhiệm vụ trọng tâm	3	
	Từ 01 đến 02 nhiệm vụ trọng tâm	1	
	Không được giao nhiệm vụ trọng tâm	0	
II	**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**	**85**	
1	**Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm**	**25**	
	Số điểm = (Tổng điểm đạt được x 25)/Tổng số NVTT x 10 Trong đó: Tổng điểm đạt được: tổng cộng số điểm đạt được theo quy ước sau: + Hoàn thành xuất sắc: 10 điểm + Hoàn thành tốt: 07 điểm + Hoàn thành: 05 điểm + Không hoàn thành: 0 điểm		Ví dụ: Đơn vị A được giao 06 NVTT, trong đó xếp loại: 02 NVTT hoàn thành xuất sắc 04 NVTT hoàn thành tốt số điểm = ((2x10 + 4x7) x 25)/(6 x 10) = 16
2	**Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao**	**25**	(Trên phần mềm theo dõi, quản lý nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao)
	Số điểm = (Số nhiệm vụ hoàn thành đúng hạn x 25)/Tổng số nhiệm vụ được giao		Điểm được lấy đến 1 chữ số thập phân (không làm tròn số)
3	**Thực hiện nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch công tác năm của cơ quan, đơn vị**	**20**	
	Số điểm = (Số nhiệm vụ hoàn thành x 20)/Tổng số nhiệm vụ theo kế hoạch		
4	**Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh theo quy định của UBND tỉnh**	**5**	
	Số điểm = (Số lượng báo cáo đúng thời gian quy định x 05)/Tổng số báo cáo theo quy định		
5	**Công tác kiểm tra**	**10**	
5.1	Ban hành kế hoạch kiểm tra	1	
	Ban hành Kế hoạch kiểm tra theo đúng quy định	*1*	
5.2	Mức độ thực hiện kế hoạch	2	
	Số điểm = (Tỷ lệ kiểm tra đã thực hiện x 2)/Tỷ lệ kiểm tra theo quy định		Điểm được lấy đến 1 chữ số thập phân (không làm tròn số)
5.3	Thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra và kiến nghị của kiểm toán đảm bảo thời gian theo quy định	4	Trong năm nếu không có Kết luận thanh tra, kiểm toán thì đạt điểm tối đa
	Số điểm = (Tỷ lệ kiến nghị đã thực hiện x 3)/100		
5.4	Việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, giải quyết ý kiến, kiến nghị cử tri thuộc thẩm quyền; việc tham mưu giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, giải quyết ý kiến, kiến nghị cử tri	3	
	Số điểm = (Số đơn thư, ý kiến, kiến nghị giải quyết đúng thời hạn x 3)/Tổng số đơn thư, ý kiến, kiến nghị nhận được *(Nếu trong năm không có đơn thư, ý kiến, kiến nghị thì đạt điểm tối đa)*		Điểm được lấy đến 1 chữ số thập phân (không làm tròn số)
III	**ĐIỂM THƯỞNG**	**5**	
1	Là đơn vị được giao nhiều nhiệm vụ nhất trong năm, đồng thời số lượng công việc hoàn thành đúng thời hạn đạt trên 80%. (Trong trường hợp có nhiều hơn 01 cơ quan cùng đạt tiêu chí này thì sẽ xét ưu tiên cơ quan có số % hoàn thành nhiệm vụ cao hơn)	2	

TT	Nội dung	Điểm chuẩn	Ghi chú
2	Những trường hợp có thành tích nổi trội khác do hội đồng thẩm định xem xét, quyết định	3	Không quá 03 điểm
	TỔNG CỘNG (I+II+III)	**100**	
IV	**ĐIỂM TRỪ**		
1	Còn có nội dung, công việc bị UBND tỉnh yêu cầu kiểm điểm: **mỗi công việc trừ 01 điểm**		
2	Có lãnh đạo, viên chức bị kỷ luật khiển trách trở lên hoặc bị khởi tố (không áp dụng đối với trường hợp chuyển từ cơ quan, đơn vị khác đến và phát hiện hành vi vi phạm trong thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị cũ): **trừ 03 điểm**		
3	Những trường hợp khác do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định: t**rừ không quá 03 điểm**		
	TỔNG ĐIỂM XẾP LOẠI (Tổng cộng - Điểm trừ)	**100**	

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

Phụ lục IV

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

(Kèm theo Quyết định số 1632 /QĐ-UBND ngày 19 /9/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Nội dung	Điểm chuẩn	Ghi chú
1	**Ban hành chương trình, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm**	**1**	
	Ban hành chậm nhất trong 20 ngày kể từ ngày được phê duyệt nhiệm vụ trọng tâm	1	
2	**Mức độ hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm**	**6**	
	Hoàn thành vượt khối lượng, chỉ tiêu được giao	6	
	Hoàn thành đúng khối lượng, chỉ tiêu được giao	5	
	Hoàn thành không bảo đảm khối lượng, chỉ tiêu được giao	3	
3	**Thời gian hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm**	**3**	
	Hoàn thành vượt tiến độ được giao	3	
	Hoàn thành đúng tiến độ được giao	2	
	Hoàn thành chậm tiến độ được giao	1	
	Chưa hoàn thành	0	
	TỔNG ĐIỂM	**10**	